

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hùng Dũng

2. Bà Lê Thị Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Lê Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian và có 02 con chung. Tuy

nhiên, càng về sau thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân hơn 07 năm nay. Mặc dù bà đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn nhưng không thành. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 06/10/2003 và Lê Việt K, sinh ngày 03/02/2009. Lê Thị Mỹ D hiện đã có gia đình, không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Việt K, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2025, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà Lê Thị Bích T quen biết nhau qua mai mối, sau đó có tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống có 02 con chung là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 06/10/2003 và Lê Việt K, sinh ngày 03/02/2009. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Lê Thị Mỹ D hiện đã có gia đình, không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Lê Việt K thì ông đồng ý giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn H. Về con chung: Giao cháu Lê Việt K cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật quy định về vấn đề đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, bà T và ông H chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Từ đó, bà T và ông H đã ly thân nhiều năm nay. Xét thấy, mối quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn hiện nay chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Đồng thời, các bên đều xác định đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 06/10/2003 và Lê Việt K, sinh ngày 03/02/2009. Lê Thị Mỹ D hiện đã có gia đình, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Lê Việt K, căn cứ Bản tự khai ghi nhận ý kiến của cháu K thể hiện nguyện vọng được sống chung với bà Lê Thị Bích T. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2025, ông H đồng ý giao cháu K cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn H theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Bích T được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Việt K, sinh ngày 03/02/2009 cho bà Lê Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn H theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005465 ngày 11/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- CCTHADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Đông Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Dương